



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03732**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Bột tôm (Qrill Antarctic Krill Meal)  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.000 bao/ 25.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 15-19/3/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : The Qrill Company AS, Norway  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC-8755 ngày 23/6/2025  
Hóa đơn số : 1011137 ngày 23/6/2025  
Vận đơn số : 1067344513  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 6807/HQ-GDK-TTKN ngày 28/8/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250039266)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH RỪNG BIỂN**  
Địa chỉ: 18 Đường số 3, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 2525/QĐ-TTKN  
Ngày 15 tháng 9 năm 2025



**Phạm Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03733**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Luctarom Milky 78882Z  
**Số lượng/ khối lượng** : 200 bao/ 5.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 21/7/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Lucta (Guangzhou) Flavours Co.,Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : RB2503 ngày 03/8/2025  
Hóa đơn số : TH10000215 ngày 08/8/2025  
Vận đơn số : YMJAI221156383  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 6668/HQ-GDK-TTKN ngày 26/8/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250039103)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH RỪNG BIỂN**  
Địa chỉ: 18 Đường số 3, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 2525/QĐ-TTKN  
Ngày 15 tháng 9 năm 2025



**Thạch Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03734**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Luctamax AQ 78084Z  
**Số lượng/ khối lượng** : 200 bao/ 4.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 22/7/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Lucta (Guangzhou) Flavours Co.,Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : RB2503 ngày 03/8/2025  
Hóa đơn số : TH10000215 ngày 08/8/2025  
Vận đơn số : YMJAI221156383  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 6668/HQ-GDK-TTKN ngày 26/8/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250039103)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH RỪNG BIỂN**  
Địa chỉ: 18 Đường số 3, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2525/QĐ-TTKN

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**La Thanh Tùng**



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 12850/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng QuânMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 37392509350

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/09/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>               | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Bột Tôm (QRILL<br>Antarctic Krill Meal)<br>(BN39266) | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                      | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                      | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,26               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                      | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                      | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                      | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                      | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

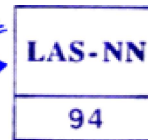
## Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 12851/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 37392509351

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/09/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Luctarom Milky<br>78882Z<br>(BN39103)  | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | <i>Escherichia coli</i> (*)(**)        | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | <i>Salmonella</i> spp. (*)(**)         | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 13/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

#### Ghi chú/ Note:

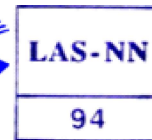
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12812/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/*Customer name* <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/*Address* <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/*Delivered by* <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/*Sample description* <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/*Sample code* : 37392509352  
Ngày nhận mẫu/*Receiving date* : 10/09/2025  
Ngày phân tích/*Analysing date* : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br><i>Sample name</i> <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br><i>Parameters</i> <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br><i>Unit</i> | Kết quả/<br><i>Result</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i> |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------------------|
| Luctamax AQ78084Z<br>(BN39103)                | Asen (As) vô cơ (**)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                       | EN 16278:2012                          |
|                                               | Chì (Pb)                                      | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                       | TCVN 9588:2013                         |
|                                               | Cadimi (Cd)                                   | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                       | TCVN 9588:2013                         |
|                                               | Thủy ngân (Hg) (**)                           | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                       | EN 16277:2012                          |

Cần Thơ, ngày/date: 12/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.